

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 17 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						221 942	62 532	406 910			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						<u>74 521</u>	<u>6 391</u>	<u>68 130</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>6 450</i>	<i>6 391</i>	<i>59</i>			
2		THAN MIỀN NAM	15/07	1088/07	31/07	TRƯỜNG XUÂN 16	CẨM 5A.1	1 750	1 732	18	16/07		
							CỤC 4A.3	1 400	1 389	11	16/07		
3		KDT CẦU ĐUÔNG	26/06	947/05	30/06	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000	996	5	16/07	TD	GIA HẠN L1
4		ĐẠM HÀ BẮC	16/07	1089/07	31/07	TD 06-VT	CẨM 4A.1	2 300	2 275	25	16/07		
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						68 071		68 071			
1		XD CN MỎ	23/06	631/04	29/06	BN 2519	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		XD CN MỎ	23/06	730/04	29/06	BN 2276	Cẩm 4b.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
3		CROMIT CỎ THANH HÓA	26/06	764/04	30/06	HD 2266	Cẩm 4b.1	1 980		1 980		TD	
4		CROMIT CỎ THANH HÓA	23/06	786/04	30/06	HD 2558	CỤC XỎ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L2
5		XD CN MỎ	27/06	815/05	30/06	BN 1459	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		DVVT QUẢNG NINH	23/06	841/05	30/06	BN 2228	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		KDT BẮC THÁI	26/06	932/05	30/06	HD 1818	CẨM 1	1 981		1 981		TD	
8		KDT BẮC THÁI	26/06	933/05	30/06	BN 1158	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠI L1
9		KDT BẮC THÁI	26/06	934/05	30/06	BN 2033	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
10		VTT VINACOMIN	23/06	937/05	30/06	BN 1468	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
11		CROMIT CỎ THANH HÓA	23/06	943/05	30/06	HD 2095	CỤC XỎ 1C	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
12		CROMIT THANH HOÁ	30/06	944/05		NB 8927	CẨM 4B.1	3 020		3 020		TD	
13		KDT CẦU ĐUÔNG	15/07	945/05	31/07	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
15		THAN SÔNG HỒNG	24/06	977/06	30/06	BN 2006	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
16		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000			
17		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020			
18		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XỎ 1C	1 550		1 550		TD	
19		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CẨM 5A.1	8 750		8 750			
20		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CẨM 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
21		XD CN MỎ	01/07	991-B/06	08/07	BN 1835	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
22		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CẨM 1	1 530		1 530		TD	
23		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cẩm 4b.1	1 200		1 200		TD	
24		KDT BẮC THÁI	24/06	1028/06		HD 2099	CẨM 1	1 980		1 980		TD	
25		KDT BẮC THÁI	24/06	1029/06		BN 1869	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	
26		KDT BẮC THÁI	24/06	1030/06		BN 2508	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 17 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
27		ĐẠM NINH BÌNH	26/06	1033/06		NB 6339	CẨM 4A.1	4 000		4 000			
28		COALIMEX	01/07	1045-B/06	16/06	QN 7237	CẨM 5A.1	5 312		5 312		PTCB	GIA HẠN L1
29		KDT HÀ BẮC	30/06	1047/06		BN 2168	CẨM 5A.1	1 000		1 000		PTCB	
30		KDT HÀ BẮC	30/06	1049/06		BN 0937	CẨM 5A.1	1 170		1 170		PTCB	
31		THAN MIỀN NAM	01/07	1050/06		VIỆT THUẬN 095-01	CẨM 5A.1	8 700		8 700			
32		ĐT TMDV VINACOMIN	01/07	1051/07		BN 1758	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	
33		CP HÀNG HẢI VN	02/07	1053/07	17/07	BN 1816	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
34		THAN SÔNG HỒNG	04/07	1058/07		BN 1809	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
35		ĐT TMDV VINACOMIN	08/07	1071/07	23/07	BN 1879	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	
36		THAN SÔNG HỒNG	11/07	1077/07	26/07	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	
37		DV VT QUẢNG NINH	14/07	1081/07	31/07	BN 1826	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
		Tàu chuyển tải						84 290	20 470	311 320			
		Tàu đang làm hàng						20 500	20 470	30			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2				VIỆT THUẬN 215-06	CẨM 6A.10	20 500	20 470	30	17/07		KVCP:5.393,25 - KDT CP:5.401,51 - CLM: 9.675,25
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	14/07	1069-B		VIỆT THUẬN OCEAN	CẨM 6A.1	46 000	26 460	19 540	ĐỔ		TTCO:26.460,45 - TTHG:20.000
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						63 790		311 290			
1		ĐIỆN LỰC VĨNH TÂN 1		1085/7		HẢI NAM 79	CẨM 6A.1	27 500		275 000			TTCO:23.000 - 4.500
2		ĐIỆN LỰC VĨNH TÂN 1	15/07	1086/7		PACIFCI 01	CẨM 6A.1	27 690		27 690			
3		THAN MIỀN NAM	15/07	1087/07		VIỆT THUẬN 095-01	CẨM 5A.1	4 500		4 500			
								4 100		4 100			
II		KHO G9-HÓA CHẤT						27 681	9 553	18 128			
		Tàu đã làm hàng						10 861	9 553	1 308			
1		CROMIT THANH HOÁ	14/7	533	31/7	BN - 2228	CẨM 8A	1 000	994	6	16/7	TD	
2		CP ĐTTM&DV	14/7	521	31/7	BN - 1309	CỤC 1B	1 100	1 072	28	16/7	TD	
3		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	16/7	593	31/7	BN - 2388	CẨM 8A	1 571	1 026	545	ĐỔ	TD	
4		HẢI PHÒNG	16/7	588	31/7	HP - 5902	CẨM 7A	1 450	770	680	ĐỔ	PT CB	
5		HẢI PHÒNG	16/7	595	31/7	HP - 4854	CẨM 7B	1 350	1 326	24	16/7	PT CB	
6		MIỀN BẮC	16/7	589	31/7	BN - 1348	CẨM 7C	990	984	6	16/7	PT CB	
7		MIỀN BẮC	16/7	590	31/7	BN - 2366	CẨM 7C	1 800	1 786	14	16/7	PT CB	
8		CP VT&KD THAN	15/7	574	31/7	BN - 0808	CẨM 8A	1 600	1 595	5	16/7	TD	
		Tàu đã làm lệnh						16 820		16 820			
1		CP VT&KD THAN	02/7	61	16/7	BN - 1368	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 17 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
3		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	930		930		TD	
4		SÔNG HỒNG	03/7	90	17/7	BN - 2366	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
5		CP DVVT QNINH	03/7	91	17/7	BN - 2646	CỤC 1A	1 100		1 100		TD	
6		CP ĐTTM&DV	04/7	109	17/4	BN - 0695	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
7		CẦU ĐUÔNG	06/7	215	21/7	BN - 2203	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
8		CP VT&KD THAN	07/7	248	22/7	BN - 0808	CẨM 8A	1 500		1 500		TD	
9		CẦU ĐUÔNG	07/7	249	22/7	BN - 2006	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
10		XD CN MỎ	07/7	251	22/7	BN - 2128	CỤC 1B	1 280		1 280		TD	
11		CP ĐTTM&DV	10/7	336	24/7	BN - 1666	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
12		CP ĐTTM&DV	10/7	351	24/7	BN - 1135	CỤC 1B	910		910		TD	
13		HẢI PHÒNG	13/7	443	26/7	BN - 1856	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
14		SÔNG HỒNG	15/7	568	31/7	BN - 0988	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
15		CP VT&KD THAN	16/7	607	31/7	BN - 1816	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
16		CP VT THUỶ	16/7	615	31/7	BN - 1826	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
III		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						-					
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh											
IV		<u>KHO CẢNG KM6</u>						18 800	15 251	3 549			
		Tàu đã làm hàng						17 800	15 251	2 549			
1		HẢI NAM 79 (ĐIỆN VĨNH TÂN I)	15/7	51	25/7	HD 3965	Cẩm 6a.1	5 000	2 493	2 507	15/7		
2		KDT MIỀN BẮC	15/7	558	31/7	HD 1823	Cẩm 6a.1	1 900	1 897	3	15/7	CBPT	
3		KDT MIỀN BẮC	15/7	556	31/7	NB 8700	Cẩm 5b.1	2 200	2 197	3	15/7	CBPT	
4		HẢI NAM 79 (ĐIỆN VĨNH TÂN I)	15/7	51	25/7	HD 3965	Cẩm 6a.1	5 000	4 971	29	16/7		
5		KDT MIỀN BẮC	15/7	559	31/7	HD 6818	Cẩm 6a.1	1 850	1 847	3		CBPT	
6		KDT MIỀN BẮC	16/7	587	31/7	HD 7989	Cẩm 6a.1	1 850	1 845	5		CBPT	
		Tàu đã làm lệnh						1 000		1 000			
1		VT & KDT VINACOMIN	16/7	603	31/7	BN 0679	Đon 8a	1 000		1 000		TD	
V		<u>TÀU XUẤT KHẨU</u>						6 650	-	6 650			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh						6 650		6 650			
1		INDONESIA	15/07	24/7		MV NAM SON 16	CẨM 2A.1	1 650		1 650			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17 HÁNG 07 NĂM 2025

[illegible]

|

|

